

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	+ Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực miền Bắc (số 11 Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Hà Nội; Điện thoại: 024.22415555 Fax: 024.38244033). + Đại diện chủ đầu tư: Công ty Điện lực Bắc Ninh (Số 22 Nguyễn Khắc Nhu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh)
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Nâng cao năng lực truyền tải đường dây 110kV lộ 175, 177 TBA 220kV Bắc Giang - lộ 177, 178 TBA 220kV Quang Châu
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: phường Bắc Giang, phường Tiền Phong, phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: 180 ngày , kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: 180 ngày , kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Muộn nhất 05 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn giám sát là: Công ty Điện lực Bắc Ninh. Địa chỉ: Số 22 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hồ sơ thiết kế, các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có). - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải nộp một Bảo đảm thực hiện HĐ cho Chủ đầu tư đáp ứng theo quy định dưới đây: - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chỉ trả cho Chủ đầu tư. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng, phát hành 01 bản gốc duy nhất. Trường hợp bảo đảm do một ngân hàng nước ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam (nếu có) hoặc được một ngân hàng của Việt Nam xác nhận có quan hệ đại lý với ngân hàng phát hành trên. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí) từ Nhà thầu. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

	Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận ghi trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình xây dựng đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 05% giá trị hợp đồng .
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT] .
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Trong mọi trường hợp, việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu chính đối với chủ đầu tư. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện; - Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ, việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; - Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có nhu cầu thay thế hoặc bổ sung Nhà thầu phụ, Nhà thầu chính chịu trách nhiệm lựa chọn các Nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện các công việc được giao, đệ trình danh sách kèm đầy đủ tài liệu có liên quan để Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi ký hợp đồng với Nhà thầu phụ. - Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu chính với nhà thầu phụ.

	- Nhà thầu không được chuyển nhượng hợp đồng hay giao thầu lại bất cứ phần việc nào của công trình cho các nhà thầu phụ mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư trước khi ký hợp đồng với nhà thầu phụ hoặc chuyển nhượng. Nếu nhà thầu tự ý chuyển nhượng hợp đồng hay giao thầu lại bất cứ phần việc nào của công trình thì coi như Nhà thầu vi phạm hợp đồng. Nhà thầu bị Chủ đầu tư phạt 20% tổng giá trị phần chuyển nhượng hay giao thầu lại đó và Nhà thầu phải chấm dứt ngay việc chuyển nhượng hợp đồng hay giao thầu lại đó. - Nhà thầu sẽ có văn bản trình cho chủ đầu tư phê duyệt nhà thầu phụ trong vòng 30 ngày trước khi thực hiện.
E-ĐKC 13.1	Nhà thầu sẽ bố trí nhân sự chủ chốt thực hiện phần công việc trong gói thầu theo đúng quy định sau: - Chỉ huy trưởng công trường: (như đề xuất trong E-HSDT) - Cán bộ kỹ thuật phụ trách phần Điện: (như đề xuất trong E-HSDT) - Cán bộ kỹ thuật phụ trách phần Xây dựng: (như đề xuất trong E-HSDT) - Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn: (như đề xuất trong E-HSDT) (Chi tiết như Phụ lục 2: Danh sách nhân sự thực hiện gói thầu) Nhà thầu phải đăng ký sim CA cho Chỉ huy trưởng và cán bộ kỹ thuật để phục vụ cho việc ký sổ nhật ký thi công và biên bản nghiệm thu điện tử.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: - Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho hàng hoá để đảm bảo hàng hoá được đưa đến chân công trình trên cơ sở “tất cả các rủi ro” không kể rủi ro chiến tranh hoặc đình công. - Đối với phần xây lắp: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng bao gồm: Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường; bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba (Thực hiện theo nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có)
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 1. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định là 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu. 2. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau: + Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

	+ Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng (Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành) + Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% phần trăm (%) Giá trị hợp đồng. + Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành
E-ĐKC 21	Thông tin về công trường là: phường Bắc Giang, phường Tiền Phong, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Sau khi nhận mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) đủ điều kiện thi công
E-ĐKC 27.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thỏa thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh. - Giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Toà án nhân dân khu vực I - Bắc Ninh.

	Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí. Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện khởi công theo quy định. - Ngày hoàn thành dự kiến: tính từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày/lần. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 640.000.000 VNĐ
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	1. Vật tư, máy móc, thiết bị: - VTTB, hàng hóa lắp đặt cho công trình phải mới 100%, chưa qua sử dụng và phải được nghiệm thu trước khi đưa vào lắp đặt cho công trình (bao gồm thiết bị, vật tư, vật liệu). Các thiết bị sản xuất áp dụng theo các tiêu chuẩn IEC hoặc tương đương phải được nhiệt đới hóa phù hợp với TCVN và các quy định hiện hành. - Vật tư, máy móc, thiết bị: Đối với dây dẫn, cáp lực, cách điện: Cung cấp biên bản thử nghiệm kèm theo văn bản thông báo kết quả thử nghiệm của đơn vị giám định độc lập, số lượng mẫu thử theo quy định tại văn bản số 5539/EVNNPC-KT ngày 31/12/2015 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật đối với dây và cáp điện; Văn bản số 4048/EVNNPC-KT ngày 16/9/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) về việc quy định lấy mẫu thử nghiệm xác suất, kiểm soát chất lượng mua sắm tập trung VTTB; Văn bản số 342/EVNNPC-KT ngày 23/01/2019 của EVNNPC về việc Kiểm soát chất lượng và QLVH đầu cấp, hộp nối cáp trung thế; Văn bản số 3029/EVNNPC ngày 09/06/2021 của EVNNPC về Quy định bổ sung về kiểm soát chất lượng VTTB trước khi lắp đặt; Văn bản số 4429/EVNNPC-KT ngày 26/9/2023 của EVNNPC về việc kiểm soát chất lượng đối với FCO, LBFCO và dây chì. 2. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng và nhận hàng như sau: - Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa tại xưởng trước khi giao hàng như quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật nếu Chủ đầu tư yêu cầu. - Trong quá trình nghiệm thu, nếu kết quả thử nghiệm hàng hóa được cung cấp không đáp ứng yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục hàng hóa và Nhà thầu phải thay thế miễn phí các hàng hóa bị từ chối hoặc thực hiện miễn phí các thay thế cần

thiết để đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn. Trong trường hợp sai khác hoặc không phù hợp, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp, thay thế các hàng hóa lỗi trong vòng 08 tuần sau khi nhận được thông báo từ Chủ đầu tư trên cơ sở địa điểm giao hàng, bao gồm thuế nhập khẩu, phí bốc dỡ chậm, phí kiểm tra và thử nghiệm và các chi phí liên quan cho việc thay thế, đổi hàng, chi phí do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư sẽ trả lại các hàng hóa không phù hợp theo yêu cầu của nhà cung cấp và chi phí do Nhà thầu chịu trên cơ sở giá giao tại chân công trình. Chi phí cho việc nghiệm thu, chứng kiến, thử nghiệm sẽ do nhà thầu chịu.

- Đối với dây, cáp điện:

+ Hàng hóa cung cấp sẽ được thử nghiệm bởi Đơn vị thí nghiệm được Chủ đầu tư chấp thuận. Mẫu để thử nghiệm sẽ được thực hiện tại kho của Nhà thầu trước sự chứng kiến của Chủ đầu tư và Nhà thầu. Tất cả các chi phí liên quan tới việc kiểm tra trên sẽ do Nhà thầu chịu cụ thể như sau:

+ Ngay sau khi ký hợp đồng, đơn vị mua hàng phải cung cấp bản sao hợp đồng mua sắm các thông số kỹ thuật và số lượng, chủng loại hàng hóa cho đơn vị thí nghiệm theo quy định;

+ Chỉ được tiến hành lấy mẫu xác xuất khi bên bán đã tập kết đầy đủ 100% hàng hóa. Sau khi lấy mẫu, toàn bộ các lô dây, kể cả các lô dây không được lựa chọn lấy mẫu, đều phải được dán tem niêm phong đúng theo quy định, có thể tiến hành việc vận chuyển và giao nhận tạm thời đến kho/công trình của đơn vị mua sắm. Việc giao nhận chính thức, bóc gỡ niêm phong, bàn giao cho đơn vị thi công chỉ được tiến hành sau khi có thông báo thí nghiệm đạt yêu cầu của đơn vị thí nghiệm. Việc lấy mẫu, dán tem niêm phong do đơn vị thí nghiệm trực tiếp thực hiện. Tem niêm phong do đơn vị thí nghiệm in ấn, phát hành và quản lý. Mẫu tem phải đảm bảo bền chắc, không bị bong tróc trong quá trình vận chuyển.

+ Tất cả các chủng loại dây và cáp điện được trải qua các bước kiểm tra thử nghiệm sau đây:

Bước 1: Thử nghiệm xuất xưởng:

Tất cả các dây dẫn, cáp điện đều được thử nghiệm xuất xưởng tại nơi sản xuất. Các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn chế tạo TCVN, IEC.

Bước 2: Thử nghiệm mẫu đối với hàng hóa trong hợp đồng:

Sau khi bên bán tập kết xong hàng hóa, tiến hành thử nghiệm mẫu như sau:

(+) Tổ chức lấy mẫu ngẫu nhiên theo nguyên tắc:

* Mỗi chủng loại dây, cáp có số lượng lô ≤ 2 lô: lấy ít nhất 01 mẫu

* Đối với chủng loại cáp vặn xoắn có số lượng từ 2÷4 lô lấy 02 mẫu, từ 5 lô trở lên lấy 03 mẫu (Hoặc lấy mẫu theo quy định của cơ quan thử nghiệm).

* Với chủng loại hàng có số lượng ít Cáp ≤ 100 m, dây nhôm lõi thép ≤ 300 kg có thể miễn thử nghiệm mẫu, sử dụng biên bản thử nghiệm mẫu cùng chủng loại của các đơn hàng trước cùng nhà sản xuất.

* Lập biên bản lấy mẫu tại hiện trường, ít nhất phải có đủ 3 thành phần tham gia lấy mẫu: Bên mua, bên bán, bên thí nghiệm. Các mẫu được niêm phong bảo vệ đảm bảo không bị hư hại tổn hao cho đến khi thí nghiệm.

+ Các lô (cuộn) dây và cáp phải đảm bảo liên sợi liên tục, chất lượng đồng đều. Mỗi lô chỉ được cuộn 1 chủng loại dây/cáp. Các đoạn ngắn được miễn thí nghiệm theo quy định có thể cuộn chung sau khi đã kiểm đếm;

+ Sau khi lấy mẫu và niêm phong đúng theo quy định, có thể tiến hành việc vận chuyển và giao nhận tạm thời đến kho/công trình của đơn vị mua sắm. Việc giao nhận chính thức, bóc gỡ niêm phong, bàn giao cho đơn vị thi

công chỉ được tiến hành sau khi có thông báo thí nghiệm đạt yêu cầu của đơn vị thí nghiệm.

Bên mua hàng chỉ nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng khi nhận được thông báo kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu tương ứng của Đơn vị thí nghiệm.

- Đối với cách điện:

+ Sau khi hàng được tập kết ở kho của Nhà thầu, Nhà thầu phải thông báo cho Bên A để tổ chức lấy mẫu ngẫu nhiên số lượng cách điện của hợp đồng đem đi thí nghiệm xác suất trước khi nghiệm thu. Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển, bảo quản mẫu (đã được niêm phong) và phối hợp với đơn vị thí nghiệm để tổ chức thực hiện.

+ Quy định về số lượng mẫu thí nghiệm, yêu cầu về thử nghiệm lặp lại và xử lý khi thử nghiệm không đạt thực hiện theo quy định tại văn bản số 3029/EVNNPC-KT ngày 09/6/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

+ ***Bên mua hàng chỉ nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng khi nhận được thông báo kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu tương ứng của Đơn vị thí nghiệm.***

+ ***Bên mua hàng chỉ nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng khi nhận được thông báo kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu tương ứng của Đơn vị thí nghiệm.***

- Đối với cột thép: Cung cấp biên bản lấy mẫu và kết quả kiểm nghiệm thép đầu vào để sản xuất cột của đơn vị giám sát độc lập.

- Đối với các vật tư, thiết bị khác: Theo quy định tại Chương V-EHSMT.

- Các vật tư thiết bị, vật liệu phải được Bên A nghiệm thu trước khi đưa vào lắp đặt cho công trình tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về thi công xây dựng công trình.

*** Hệ thống CNTT phục vụ quản lý và phê duyệt tài liệu kỹ thuật** Nhà thầu phải trang bị thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý của chủ đầu tư phục vụ phê duyệt tài liệu kỹ thuật của gói thầu/dự án.

*** Điều khoản Hợp đồng về Không ràng buộc và hạn chế liên quan đến cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành**

Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới cách dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống

*** Trách nhiệm của nhân sự hướng dẫn lắp đặt đối với các hợp đồng có bao gồm phạm vi mua sắm vật tư thiết bị kèm dịch vụ hướng dẫn lắp đặt**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường.

Đối với những thiết bị cần thiết phải có mặt của chuyên gia nhà thầu giám sát quá trình lắp ráp, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thì nhà thầu phải đảm bảo cho các chuyên gia có mặt trên công trường để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải đưa ra các khuyến nghị sửa chữa bằng văn bản tới Chủ

	đầu tư trong trường hợp nhà thầu lắp thực hiện không đúng yêu cầu đã được hướng dẫn. Trường hợp nếu chuyên gia không đưa ra các chỉ dẫn, khuyến cáo chủ đầu tư kịp thời thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết bị đã lắp ráp - Đối với VTTB thu hồi sau thi công: [Nếu có] + VTTB mới còn thừa sau thi công do không lắp đặt: Sau khi kết thúc thi công yêu cầu Bên B thu hồi vận chuyển để nhập kho theo yêu cầu của Bên A [chỉ áp dụng đối với VTTB A cấp mới B không đưa vào lắp đặt.]. + VTTB thu hồi cũ tháo dỡ khỏi lưới: Trước khi thi công yêu cầu Bên B lập Phương án thu hồi được đơn vị quản lý tài sản phê duyệt, lập Biên bản xác định VTTB thu hồi trước khi tháo dỡ ra khỏi lưới, sau khi thi công lập Biên bản xác định VTTB sau tháo dỡ và vận chuyển bàn giao để nhập kho Đơn vị quản lý tài sản theo yêu cầu của Bên A. + Phương án thu hồi, các Biên bản xác định vật tư thu hồi, phiếu nhập kho vật tư thu hồi có đóng dấu xác nhận của Đơn vị quản lý tài sản là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ nghiệm thu thanh toán của Hợp đồng. Đối với Hồ sơ kiểm soát chất lượng của nhà thầu (theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) sẽ được nộp sau 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: đồng (đã bao gồm Thuế GTGT 08% và 05% dự phòng cho khối lượng phát sinh). (Bằng chữ:).
E-ĐKC 42.1	- Giá trị tạm ứng: 10% giá trị hợp đồng trước Thuế GTGT (không bao gồm giá trị dự phòng cho khối lượng phát sinh), tương ứng số tiền: đồng (Bằng chữ:). - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bảo lãnh trả trước) được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. + Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng và là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và phải có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tiền tạm ứng. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Nguyên tắc để tạm ứng cho Nhà thầu: Chủ đầu tư tiến hành tạm ứng cho Nhà thầu sau khi bàn giao một phần hoặc toàn bộ mặt bằng cho nhà thầu. Việc thanh toán tạm ứng sẽ được thực hiện theo tiến độ bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư, nhưng đảm bảo tổng giá trị tạm ứng tối đa là 15% giá trị Hợp đồng. Tổng số lần tạm ứng không quá 3 lần. - Tiền tạm ứng sẽ được ứng cho Nhà thầu trong vòng 60 ngày khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: 05 bản gốc

	+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành; + Chứng nhận bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu: 01 bộ gốc và 03 bộ sao của đơn vị phát hành. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi ngay lần thanh toán đầu tiên và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.
E-ĐKC 44.1	- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Lãi suất thanh toán chậm và phạt thanh toán chậm: Thực hiện theo khoản 2 Điều 43 NĐ 37/2015 (các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Phương thức thanh toán: a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị khối lượng nghiệm thu trước thuế trong vòng 60 ngày (bao gồm cả tạm ứng) thành một hoặc nhiều lần dựa trên đề nghị của nhà thầu và tiến độ thực hiện của dự án và 100% thuế GTGT theo hóa đơn trong vòng 180 ngày kể từ khi nhà thầu xuất Hóa đơn và Bên A đã nhận được đầy đủ hồ sơ, cụ thể: + Công văn đề nghị thanh toán: 06 bản gốc; + Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 05 bản sao; + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a, 03c của Nghị định 254/2025-NĐ-CP ngày 26/9/2025 (các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có): 06 bản gốc; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc + Nhật ký thi công và biên bản nghiệm thu theo Quyết định số 2302/QĐ-EVNNPC ngày 20/9/2022 và CV số 6821/EVNNPC-DT ngày 22/12/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc. + Bản vẽ hoàn công: 06 bộ gốc; + Chứng chỉ chất lượng, số lượng của Nhà sản xuất (C/Q): 05 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu), 01 gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp (đối với hàng hóa trong nước); + Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 06 bản sao y công chứng (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài); + Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài): 06 bản sao y của nhà nhập khẩu; + Báo cáo thử nghiệm xuất xưởng được ban hành bởi Nhà sản xuất: 01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp; + Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp: 01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp; + Biên bản nghiệm thu lắp ráp cột mẫu (Yêu cầu đại diện A, B, nhà sản xuất, tư vấn thiết kế ký, đóng dấu): 06 bộ gốc; + Biên bản nghiệm thu xuất xưởng cột thép, Bu lông (Yêu cầu đại diện A, B, nhà sản xuất ký và đóng dấu): 06 bộ gốc; + Biên bản mở kiểm, nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi sử dụng lắp đặt cho công trình có ký xác nhận của giám sát bên A và chỉ huy trưởng bên B (Yêu cầu ghi rõ số lượng, chất lượng, xuất xứ): 06 bản gốc;

	+ Biên bản thử nghiệm kèm theo văn bản thông báo kết quả thử nghiệm của đơn vị thí nghiệm đối với các VTTB phải thí nghiệm mẫu theo quy định tại E-ĐKC 33.2; + Đối với các vật tư là vật liệu thô (Cát, đá, sỏi...): Bên B cung cấp hồ sơ thí nghiệm (các test thí nghiệm) và các hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: 01 bản gốc và 05 bản sao y; + Hồ sơ quản lý chất lượng vật tư theo yêu cầu được quy định tại E-ĐKC 27.2: 01 bản gốc và 05 bản sao. b) Thanh toán giá trị nghiệm thu còn lại như sau: * Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị nghiệm thu quyết toán (bao gồm cả giá trị đã tạm ứng và thanh toán) trong vòng 60 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và cung cấp cho Chủ đầu tư các hồ sơ sau: - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành quyết toán có đại diện A, B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc; - Hồ sơ quyết toán giá trị có đại diện A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc; - Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng cuối cùng: 01 bản gốc và 05 bản sao của ngân hàng phát hành. - Đối với VTTB thu hồi (nếu có) phải có Biên bản xác nhận VTTB thu hồi trước và sau tháo dỡ, Biên bản bàn giao VTTB thu hồi có xác nhận của đơn vị quản lý vận hành theo quy định về quản lý vật tư. * Giá trị nghiệm thu trước thuế còn lại sẽ được bên A thanh toán cho bên B trong vòng 03 tháng sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, hai bên thanh lý hợp đồng, bên B lập hóa đơn điều chỉnh (nếu có). Giá trị thanh toán là giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt trừ đi giá trị bên A đã thanh toán cho bên B. Ghi chú: Các giá trị thanh toán nêu trên được thực hiện dựa trên cơ sở kế hoạch vốn cả năm bố trí cho công trình.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: Áp dụng hình thức Bảo lãnh bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng cuối cùng.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Trường hợp trong quá trình triển khai công việc nếu có sự thay đổi (tăng, giảm) phạm vi, khối lượng công việc so với hợp đồng thì các bên thỏa thuận điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành về Hợp đồng
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	a, Mức phạt: - Do vi phạm chất lượng công trình: Bên B phải chịu mọi chi phí thực hiện để thực hiện lại công việc không đạt chất lượng và mức phạt là 10% giá trị phần HĐ bị vi phạm. - Do chậm tiến độ: tỷ lệ phạt là 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi tuần chậm tiến độ. Khi tỷ lệ phạt vi phạm đạt 2% giá trị hợp đồng bị vi phạm, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng và tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

	- Do thay đổi xuất xứ: Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hoá thì ngoài việc báo cáo bằng văn bản trong đó nêu rõ nguyên nhân, kèm theo đầy đủ tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi. Trong trường hợp được chấp nhận, nhà thầu phải chịu phạt khoản tiền 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hoá xin thay đổi xuất xứ. * Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng. * Trường hợp Nhà thầu không thực hiện các dịch vụ liên quan ngay khi có mặt bằng, đủ điều kiện thi công, đảm bảo tiến độ đóng điện dự án. Thì Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị thứ 3 thực hiện các công việc còn lại, mọi chi phí thực tế phát sinh khi thuê đơn vị thứ 3 Nhà thầu phải chịu và chi phí này được khấu trừ trên giá trị hợp đồng. b, Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên: - Kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt được cập nhật trên phần mềm quản lý đầu tư xây dựng của EVN là căn cứ để xác định. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin: + Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. + Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá. - Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian 01 tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo thuộc Ban QLDA Xây dựng điện miền Bắc. - Nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của nhà thầu. - Nếu nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền Bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của nhà thầu mà không cần bất cứ lý do gì của nhà thầu. - Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu c) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng
E-ĐKC 49.3	- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào vận hành.

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp Bản vẽ hoàn công: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 69.800.000 VNĐ.
E-ĐKC 56.1(a)	Hồ sơ quyết toán gói thầu: Không quá 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A hoặc không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành ký kết các phụ lục hợp đồng giữa A-B (nếu có) và cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm. Nếu quá 120 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B chưa nộp hồ sơ quyết toán, BQLDA sẽ xem xét và đánh giá chất lượng nhà thầu được thực hiện trên module đánh giá nhà thầu của phần mềm Quản lý đầu tư xây dựng (IMIS), đồng thời Bên A có quyền chủ động quyết toán theo giá trị được đơn vị kiểm toán độc lập xác nhận.
E-ĐKC 57.2	- Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thực hiện đánh giá chất lượng nhà thầu và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. - Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.